

**TÒA ÁN NHÂN DÂN**  
**TỈNH ĐẮK LẮK**  
Bản án số: **91** /2025/DS-PT  
Ngày 18-3- 2025  
V/v: “*Tranh chấp hợp đồng*  
*vay tài sản*”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Nhung.

*Các thẩm phán:* Ông Nguyễn Văn Bằng, ông Trương Công Bình.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Khổng Thị Hoa - Thư ký TAND tỉnh Đắk Lắk.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa:** Bà Trương Thị Thu Thủy- Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 407/2024/DS – PT ngày 27/11/2024 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”. Do bản án dân sự sơ thẩm số 20/2024/DS-ST ngày 31/7/2024 của Tòa án nhân huyện M’Đrăk, tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo, kháng nghị. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 432/2024/QĐ-PT ngày 25 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Ông Bùi Văn T, sinh năm 1971. Địa chỉ: Số nhà C1, chung cư Ngô Gia T, phường Tân L, thành phố Nha T1, tỉnh Khánh Hòa - Vắng mặt.

Địa chỉ liên hệ: Số 51 Phan Bội C, phường Xương H, thành phố Nha T1, tỉnh Khánh Hòa.

**Bị đơn:** Ông Đỗ Anh Q, sinh năm 1969. Địa chỉ: Thôn 1, xã Ea P, huyện M’ Đ, tỉnh Đắk Lắk - Có đơn xin xét xử vắng mặt.

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Công ty TNHH Hưởng Toàn L. Địa chỉ: Thôn 1, xã Ea P, huyện M’ Đ, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Võ Xuân H, sinh năm 1972. Địa chỉ: 153/10/16 đường số 5, phường 17, quận Gò V, thành phố Hồ Chí Minh - Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Trần M, sinh năm 1987. Địa chỉ: Số 51 Phan Bội C, phường Xương H, thành phố Nha T1, tỉnh Khánh Hòa - Có đơn xin xét xử vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Bùi Văn T là ông Trần M trình bày:*

Tháng 08/2022 đến tháng 04/2023, vì không có tiền góp vốn theo tỷ lệ % sở hữu tại Công Ty TNHH Hương Toàn L (sau đây gọi là tắt là “Hương Toàn L”) nên ông Đỗ Anh Q có vay của ông Bùi Văn T tổng số tiền 2.170.523.046 đồng (*Hai tỷ một trăm bảy mươi triệu năm trăm hai mươi ba nghìn không trăm bốn mươi sáu đồng*) để góp vốn. Do có quan hệ hợp tác làm ăn để góp vốn và đều là thành viên góp của công ty Hương Toàn L nên ông T đã đồng ý cho ông Q vay, đồng thời ông Bùi Văn T và Đỗ Anh Q đã tiến hành văn bản “Thỏa thuận vay mượn tiền” số 01/HTL-VAY ngày 26/7/2022, nội dung thỏa thuận cụ thể:

- Mức lãi suất là 1,666%/ tháng.
- Thời hạn vay là 3 tháng kể từ ngày ông Q nhận được tiền.
- Hình thức trả nợ là trả một lần cả gốc và lãi cuối kỳ hạn vay.
- Mục đích các khoản vay là để ông Q góp vốn cho hoạt động kinh doanh hoặc việc hợp tác liên quan đến Công ty TNHH Hương Toàn L.

Sau khi lập xong thỏa thuận từ ngày 19/8/2022 – ngày 19/10/2022, ông Đỗ Anh Q vay của tôi 4 lần với tổng số: 387.400.000 đồng, cụ thể: Ngày 19/8/2022 vay số tiền 91.000.000 đồng, ngày 24/8/2022 vay số tiền 75.400.000 đồng, ngày 19/10/2022 vay số tiền 93.600.000 đồng, ngày 19/10/2022 vay số tiền 127.400.000 đồng.

Ngày 26/10/2022, các bên chốt các khoản vay và lập thành “Phụ lục 1: Bảng kê số tiền vay mượn” xác nhận khoản vay: 387.400.000 đồng này, ông Quang ký xác nhận vào văn bản này.

Từ ngày 31/10/2022 đến ngày 05/12/2022, ông Đỗ Anh Q vay của ông T 11 lần với tổng số tiền là 1.029.600.000 đồng, các lần vay cụ thể là: Ngày 31/10/2022 vay 02 lần số tiền 127.400.000 đồng và 128.700.000 đồng, ngày 04/11/2022 vay số tiền 128.700.000 đồng, ngày 07/11/2022 vay 02 lần số tiền 91.000.000 đồng và 128.700.000 đồng, ngày 14/11/2022 vay số tiền 102.700.000 đồng, ngày 17/11/2022 vay số tiền 127.400.000 đồng, ngày 29/11/2022 vay 02 lần số tiền 52.000.000 đồng và 78.000.000 đồng, ngày 02/12/2022 vay 02 lần số tiền 26.000.000 đồng và 39.000.000 đồng.

Ngày 05/12/2022, các bên chốt các khoản vay và lập thành “Phụ lục 1: Bảng kê số tiền vay mượn”, ông Quang ký và điểm xác nhận 11 khoản vay nêu trên. Đồng thời, tại “Phụ lục 1: Bảng kê số tiền vay mượn” có tổng hợp số nợ: 387.400.000 đồng trong 4 lần vay trước, ông Q xác nhận tổng số tiền vay tính đến ngày 05/12/2022 là 1.417.000.000 đồng.

Từ ngày 30/12/2022 đến ngày 05/1/2023, ông Q tiếp tục vay ông T thêm 3 lần với tổng số tiền vay là 714.000.000 đồng, các lần vay cụ thể là: Ngày 30/12/2022 195.823.046 đồng (kèm biên nhận tiền ngày 30/12/2022), ngày 31/12/2022 vay 128.700.000 đồng, ngày 05/01/2023 vay 390.000.000 đồng.

Ngày 11/01/2023, ông Đỗ Anh Q ký, điểm chỉ vào “Phụ lục 1: Bảng kê số tiền vay mượn” xác nhận tổng khoản nợ 2.131.523.046 đồng. Trong văn bản này có tổng hợp khoản vay 1.417.000.000 đồng tính đến ngày 05/12/2022 trước đó.

Ngày 31/3/2023, hai bên tổng hợp toàn bộ khoản vay từ ngày 19/8/2022 đến ngày 05/01/2023, lập thành “Phụ lục 1: Bảng kê số tiền vay mượn”. Đồng thời, tại Văn bản “Phụ lục 1: Bảng kê số tiền vay mượn” ngày 31/3/2023 này các bên tổng

hợp thêm 1 khoản vay lần thứ 19 vào ngày 24/10/2022 số tiền vay 39.000.000 đồng. Như vậy, tại văn bản này ông Đỗ Anh Q xác nhận tổng số nợ trong 19 lần vay tính đến thời điểm 05/01/2023 là 2.170.523.046 đồng.

Tháng 4/2023, ông Đỗ Anh Q trả cho ông T số tiền 650.000.000 đồng nợ gốc. Như vậy, tính thời điểm tháng 4/2023, số nợ gốc còn lại là: 1.520.523.046 đồng.

Từ đó cho đến nay, mặc dù các khoản vay đều đã đến hạn trả nhưng ông Q vẫn không trả thêm cho T khoản nào, mặc dù tất cả khoản vay đều đã hết hạn và ông T đã nhiều lần yêu cầu ông Q thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc và nợ lãi.

Việc ông Đỗ Anh Q vi phạm thỏa thuận vay tiền, không chịu trả các khoản nợ khi đến hạn mặc dù ông T đã nhiều lần yêu cầu gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Ông Bùi Văn T. Vì vậy, ông T đã khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện M'Đ, tỉnh Đắk Lắk để yêu cầu Quý Tòa xem xét giải quyết những vấn đề sau đây:

1. Buộc ông Đỗ Anh Q trả một (01) lần số tiền nợ gốc là: 1.520.523.046 đồng (*Một tỷ năm trăm hai mươi triệu đồng năm trăm hai mươi ba nghìn không trăm bốn mươi sáu đồng*) cho ông Bùi Văn T.

2. Yêu cầu ông Đỗ Anh Q thanh toán các khoản tiền lãi tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm 31/7/2024 là 724.355.570 đồng trong đó:

+ Lãi trong hạn vay:  $2.170.523.046 \text{ đồng} \times 3 \text{ tháng} \times 1,666\% / \text{tháng} = 108.468.098 \text{ đồng}$ .

+ Lãi trên nợ lãi chưa trả:  $108.468.098 \text{ đồng} \times 8 \text{ tháng} \times 0,83\% / \text{tháng} = 14.254.515 \text{ đồng}$ .

+ Lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả:  $1.520.523.046 \text{ đồng} \times 8 \text{ tháng} \times 1,666\% \times 150\% = 601.622.956 \text{ đồng}$ .

3. Đồng thời, đề nghị Tòa án trong quá trình tố tụng vụ án nếu ông Q vẫn không trả tiền cho T thì buộc ông Q phải trả các khoản lãi bao gồm: lãi trong hạn; trong đó lãi chậm trả và lãi quá hạn tính từ ngày khởi kiện 06/01/2024 cho đến ngày Tòa án tuyên án.

Tổng số tiền ông Đỗ Anh Q phải trả cho ông Bùi Văn T là 2.244.878.616 đồng và các khoản lãi bao gồm: lãi trong hạn, trong đó lãi chậm trả và lãi quá hạn tính đến ngày ông Quang trả hết nợ cho ông T.

Đối với yêu cầu phản tố của bị đơn tại phiên tòa đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn không đồng ý. Đề nghị HĐXX xem xét không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn.

**\* Theo bản tự khai, quá trình hoà giải và tại phiên tòa bị đơn ông Đỗ Anh Q trình bày:**

Tổng số tiền ông Bùi Văn T cho tôi vay mượn các lần có ký nhận để ông Bùi Văn T chuyển trả trực tiếp vào Công ty TNHH Hưởng Toàn L mua sắm thiết bị máy móc, xe cộ, xây dựng cơ bản cho Công ty. Tôi không vay mượn và nhận để chi tiêu cá nhân một khoản tiền nào là đúng, thực tế đã vay mượn 26% vốn lưu động chuyển vào Công ty – Có kèm phụ lục quyền số 01 phân bổ CCDC – Khấu hao Tài sản cố định.

+ Xây dựng Công ty: 956.195.994 đồng (Chưa có thuế VAT)

+ Phụ kiện – Công cụ dụng cụ: 323.168.440 đồng (Chưa có thuế VAT)  
+ Xe Kamas 02 cái: 1.367.239.778 đồng (Chưa có thuế VAT)  
+ Xe máy xúc XANY 01 cái: 1.222.222.223 đồng (Chưa có thuế VAT)  
+ Kẹp gấp gỗ 02 cái: 138.888.889 đồng (Chưa có thuế VAT)  
+ Ô tô con bán tải 01 cái: 408.888.000 đồng (Chưa có thuế VAT)  
+ Tủ sấy Test gỗ 01 cái: 43.500.000 đồng (Chưa có thuế VAT)  
+ Nội thất văn phòng 12/10/2022: 16.960.000 đồng  
+ Nội thất văn phòng 21/03/2023: 69.280.000 đồng  
Tổng tôi vay 26% là: 4.460.189.564 đồng  
Cộng tiền mặt ông Bùi Văn Tiến đã rút: 2.500.000.000 đồng  
Từ tài khoản công ty vào các ngày:  
- Ngày 27/04/2023: 240.000.000 đồng  
- Ngày 28/04/2023: 2.260.000.000 đồng

Trong quá trình Công ty Hoạt động sản xuất kinh doanh (HĐSXKD), dưới sự chỉ đạo của ông Bùi Văn T (Chủ tịch thành viên Công ty) và Điều hành quản lý trực tiếp của Tổng Giám Đốc Võ Xuân H – Với kinh nghiệm, năng lực, chuyên môn không có nên Công ty trong quá trình HĐSXKD từ 17/08/2022 đến 31/05/2023 bị thua lỗ: 1.809.924.693 đồng.

Thấy vậy, cuộc họp Công ty ngày 07/04/2023 (Có Biên bản cuộc họp gửi kèm), tôi xin nhận trách nhiệm quyền điều hành sản xuất của Công ty – trong thời gian 3 tháng, để chứng minh kinh nghiệm, năng lực và chuyên môn của mình để chứng minh hiệu quả và lợi nhuận cho Công ty. Quá trình họp 04 ngày tại Công ty VATEC của văn phòng làm việc tại thành phố Nha T1 (Công ty của ông T) thì ông Bùi Văn T không đồng ý.

Hơn nữa ông Bùi Văn T lại chỉ đạo cho ông Võ Xuân H (Tổng giám đốc) cho Công ty ngừng hoạt động dẫn tới làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền lợi của tôi, vì 26% vốn góp và 26% vốn vay tại Công ty lâu nay không thể sinh lời mà còn thua lỗ là do cách điều hành kém và công ty dừng hoạt động nên tôi không có tiền trả cho ông Bùi Văn T.

Trước 07/2022 Công ty TNHH Hưởng Toàn L là do tôi sở hữu, do không có đủ về tài chính nên Công ty làm việc cầm chừng không phát triển lớn mạnh được, thấy vậy hai ông Bùi Văn T và Võ Xuân H xin đầu tư góp vốn để đưa Công ty hoạt động lớn mạnh đạt hiệu quả tốt và chia sẻ lợi nhuận với nhau trên tinh thần cùng nhau phát triển và hỗ trợ cho nhau (Có các bản Thỏa thuận Hợp tác và các Cam kết, cùng các Biên bản cuộc họp photo gửi kèm).

Vậy mà ông Bùi Văn T lại không cùng tôi tìm các phương án và các giải pháp để làm việc mà lại khởi kiện tôi ra tòa.

Từ những vấn đề tôi đã trình bày ở trên, nay tôi kính đề nghị Quý Tòa giải quyết những yêu cầu sau:

Tôi xin nhượng lại 26% vốn vay của ông Bùi Văn T, trong toàn bộ tài sản đã mua sắm và xây dựng lên phần góp vốn cho ông Bùi Văn T, vì tôi không có tiền mặt và không có khả năng để trả lại cho ông Bùi Văn T.

Phần lãi suất tiền vay được trừ đi phần Công ty TNHH Hương Toàn L đã tính đến hết ngày 31/05/2023 là 637.718.220 đồng chia cho 26% của tôi vay được 245.276.238 đồng. Số tiền lãi vay còn lại tôi xin trả lại ông T.

Trừ số tiền ông Bùi Văn T còn nợ chuyển nhượng phần vốn góp là 83.118.161 đồng.

Đối với số tiền lãi quá hạn mà ông T trình bày thì tôi không đồng ý. Tôi chỉ đồng ý trả tiền lãi trong hạn theo thỏa thuận ban đầu như đã trình bày ở trên.

Ngoài ra kính mong Quý Tòa yêu cầu ông Bùi Văn T giải trình về Báo cáo tài chính HĐSXKD nội bộ và Báo cáo thuế nhà nước nghĩa vụ Công ty để xem nguyên nhân dẫn đến Công ty làm ăn thua lỗ và tự ý hai ông Bùi Văn T và Võ Xuân H dừng hoạt động – bởi điều này đã làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền lợi 26% vốn góp và 26% vốn vay của tôi tại Công ty lâu nay không sinh lời mà còn thua lỗ. Trường hợp không phải nguyên nhân khách quan thì hai ông Bùi Văn T và Võ Xuân H phải bồi thường thiệt hại mà hai ông chỉ đạo và điều hành quản lý Công ty gây ra cho tôi.

Tại phiên toà sơ thẩm ông Đỗ Anh Q có yêu cầu phản tố về việc khấu trừ số tiền mà nguyên đơn là ông Bùi Văn T đã bán 01 xe ô tô (là tài sản của Công ty TNHH Hương Toàn L), tương ứng với 26% vốn góp của ông Quang để trừ vào số tiền ông Quang đang nợ ông T.

***\* Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Võ Xuân H là ông Trần M trình bày:***

Tháng 8/2022 đến tháng 04/2023, vì không có tiền góp vốn theo tỷ lệ % sở hữu tại Công ty TNHH Hương Toàn L (Sau đây gọi tắt là Hương Toàn L) nên ông Đỗ Anh Q đã vay của ông Bùi Văn T tổng số tiền 2.170.523.046 đồng để góp vốn. Do có quan hệ hợp tác làm ăn và đều là thành viên góp vốn của Công ty Hương Toàn L nên ông Tiến mới đồng ý cho ông Q vay.

Giữa ông Bùi Văn T và ông Đỗ Anh Q đã lập “Thỏa thuận vay mượn tiền” số 01/HTL-Vay ngày 26/7/2022. Sau khi ông T chuyển tiền cho ông Q vay theo thỏa thuận, hai bên đều lập bảng kê xác nhận khoản vay này.

Việc ông Q vay tiền ông T đến hạn không trả đã ảnh hưởng đến quyền lợi của ông T. Vì vậy, ông H cho rằng việc ông T khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Q phải trả nợ là hoàn toàn có cơ sở.

***Tại bản án sơ thẩm số 20/2024/DSST ngày 31/7/2024 của Tòa án nhân dân huyện M’Đ, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:***

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điểm a khoản 1 Điều 35, Điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92, khoản 1 Điều 147, Điều 266 và Điều 273 của BLTTDS;

Căn cứ khoản 5 Điều 466 và khoản 1 Điều 468 BLDS;

Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

*Tuyên xử:*

*Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Bùi Văn T, buộc bị đơn ông Đỗ Anh Q phải trả cho nguyên đơn tổng số tiền 2.244.878.616 đồng, trong đó số tiền vay gốc là 1.520.523.046 đồng và tiền lãi tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm, ngày 31/7/2024 là 724.355.570 đồng.*

*Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành xong bên phải thi hành án phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự.*

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng, quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 14/8/2024 Viện kiểm sát nhân dân huyện huyện M'Đ kháng nghị toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số: 20/2024/DS-ST ngày 31/7/2024 của Tòa án nhân dân huyện M'Đ, tỉnh Đắk Lắk. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử theo hướng sửa bản án dân sự sơ thẩm về thời hạn tính lãi suất, cách tính lãi suất.

Ngày 12/8/2024 bị đơn ông Đỗ Anh Q Kháng cáo toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số: 20/2024/DS-ST ngày 31/7/2024 của Tòa án nhân dân huyện M'Đ, tỉnh Đắk Lắk. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk hủy bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk vẫn giữ nguyên nội dung kháng nghị, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn vẫn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo.

**Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk:**

*Về tố tụng:* Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

*Về nội dung:* Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự, chấp nhận một phần kháng cáo của ông Đỗ Anh Q sửa Bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện M'Đ về số tiền lãi, thời gian tính lãi suất và án phí dân sự sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án trên cơ sở xem xét đầy đủ các tài liệu, chứng cứ lời trình bày của các đương sự và ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:*

[1]. Về nội dung: Từ ngày 19/8/2022 đến ngày 16/01/2023 ông Đỗ Anh Q có vay của ông Bùi Văn T tổng số tiền 2.170.523.046 đồng (*Hai tỷ một trăm bảy mươi triệu năm trăm hai mươi ba nghìn không trăm bốn mươi sáu đồng*) để góp vốn. Do có quan hệ hợp tác làm ăn để góp vốn và đều là thành viên góp của công ty Hưởng Toàn L nên ông T đã đồng ý cho ông Q vay, đồng thời ông Bùi Văn T và Đỗ Anh Q

đã tiến hành văn bản “Thỏa thuận vay mượn tiền” số 01/HTL-VAY ngày 26/7/2022, nội dung thỏa thuận cụ thể:

- Mức lãi suất là 1,666%/ tháng.
- Thời hạn vay là 3 tháng kể từ ngày ông Q nhận được tiền.
- Hình thức trả nợ là trả một lần cả gốc và lãi cuối kỳ hạn vay.
- Mục đích các khoản vay là để ông Q góp vốn cho hoạt động kinh doanh hoặc việc hợp tác liên quan đến Công ty TNHH Hương Toàn L.

Tuy nhiên đến thời hạn trả nợ ông Q không thực hiện nghĩa vụ nên xảy ra tranh chấp.

[2]. Xét đơn kháng cáo của bị đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng: Theo thỏa thuận vay mượn tiền giữa nguyên đơn và bị đơn (kèm bảng kê số tiền vay mượn) thì bị đơn đã nhận của nguyên đơn 19 lần tổng số tiền vay là 2.170.523.046 (từ ngày 19/8/2022 đến ngày 16/01/2023). Bị đơn và nguyên đơn đều thừa nhận vào tháng 4 năm 2023 bị đơn đã trả cho nguyên đơn số tiền 650.000.000 đồng. Bị đơn không nhớ cụ thể ngày trả nợ. Trong quá trình giải quyết tại cấp phúc thẩm Nguyên đơn cung cấp biên bản họp hội đồng thành viên của Công ty TNHH Toàn L ngày 27/4/2023 về việc rút một phần vốn lưu động để trả cho ông Bùi Văn T. Trên cơ sở nội dung cuộc họp ngày 27/4/2023 thì kế toán công ty đã rút vốn phần của ông Bùi Văn Q tương ứng 650.000.000 đồng để trả cho ông T vào ngày 28/4/2023. Vì vậy số tiền 650.000.000 ông Bùi Văn Q trả cho ông T được trả vào ngày 28/4/2023. Bị đơn và nguyên đơn đều thừa nhận số tiền gốc bị đơn còn nợ nguyên đơn là 1.520.523.046 đồng, lãi suất 1,666 %, thời hạn vay 3 tháng.

[2.1] Về số tiền nợ gốc: Đã quá hạn vay theo thỏa thuận nhưng bị đơn vẫn chưa trả cho nguyên đơn số tiền vay còn lại. Như vậy, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận vay đã ký giữa nguyên đơn và bị đơn. Ngoài ra, quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận việc vay tiền giữa nguyên đơn và bị đơn là thỏa thuận vay giữa cá nhân với nhau, bị đơn thừa nhận số tiền đã vay nên Tòa án cấp sơ thẩm buộc bị đơn có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số tiền vay 1.520.523.046 đồng là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[2.2] Về số tiền lãi:

Theo quy định tại Điều 1 Thỏa thuận vay mượn tiền ngày 26/7/2022 thì: Thời hạn cho vay: 3 tháng kể từ ngày bên B nhận tiền từ Bên A

Điều 2: Lãi vay và phương thức trả nợ: Lãi vay: 1,666%/ tháng (tính trên số tiền vay)

Lãi vay được tính từ ngày bên B nhận tiền, lãi suất phân đều cho 30 ngày /tháng cố định trong suốt thời gian vay.

Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu tính lãi của nguyên đơn mà không xác định thời điểm tính lãi, mức lãi suất là sai sót nên Hội đồng xét xử phúc thẩm tính lại như sau:

Tại Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm. *Điều 5 quy định về xác định lãi, lãi suất trong hợp đồng vay tài sản không phải là hợp đồng tín dụng thuộc trường hợp áp dụng Bộ luật Dân sự năm 2015.*

**\*Tiền lãi trong nợ gốc trong hạn chưa trả = (Nợ gốc trong hạn chưa trả x (lãi suất 1.666%/ tháng) x 3 tháng**

Tiền lãi trong nợ gốc trong hạn chưa trả của 19 lần vay: 2.170.523.046 đồng x 3 tháng x 1,666 %/tháng = **108.482.741 đồng.**

**\* Tiền lãi trên nợ lãi chưa trả (tính từ ngày kế tiếp ngày hết hạn trả nợ đến ngày xét xử sơ thẩm 31/7/2024) = Nợ lãi chưa trả x Lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự là 0,83%/tháng. Đối với 19 khoản vay cụ thể như sau:**

**1. Đối với lãi khoản vay 91.000.000 đồng:**

- Tiền lãi trên nợ lãi chưa trả từ ngày 20/11/2022 đến ngày 31/7/2024: 782.034 đồng.

**2. Đối với lãi khoản vay 75.400.000 đồng:**

- Tiền lãi trên nợ lãi chưa trả từ ngày 25/11/2022 đến ngày 31/7/2024: 642.737 đồng.

**3. Đối với lãi khoản vay 93.600.000 đồng:**

- Tiền lãi trên nợ lãi chưa trả từ ngày 20/01/2023 đến ngày 31/7/2024: 725.110 đồng.

**4. Đối với lãi khoản vay 127.400.000 đồng:**

- Tiền lãi trên nợ lãi chưa trả từ ngày 20/01/2023 đến ngày 31/7/2024: 986.955 đồng.

**5. Đối với lãi khoản vay 127.400.000 đồng:**

- Tiền lãi trên nợ lãi chưa trả từ ngày 20/01/2023 đến ngày 31/7/2024: 965.730 đồng.

**6. Đối với lãi khoản vay 128.700.000 đồng:**

- Tiền lãi trên nợ lãi chưa trả từ ngày 01/02/2023 đến ngày 31/7/2024: 965.730 đồng.

**7. Đối với lãi khoản vay 128.700.000 đồng:**

- Tiền lãi trên nợ lãi chưa trả từ ngày 05/02/2023 đến ngày 31/7/2024: 968.437 đồng.

**8. Đối với lãi khoản vay 39.000.000 đồng:**

- Tiền lãi trên nợ lãi chưa trả từ ngày 25/01/2023 đến ngày 31/7/2024: 299.422 đồng.

**9. Đối với lãi khoản vay 102.700.000 đồng:**

- Tiền lãi trên nợ lãi chưa trả từ ngày 15/02/2023 đến ngày 31/7/2024: 758.535 đồng.

**10. Đối với lãi khoản vay 127.400.000 đồng:**

- Tiền lãi trên nợ lãi chưa trả từ ngày 18/02/2023 đến ngày 31/7/2024: 935.662 đồng.

**11. Đối với lãi khoản vay 52.000.000 đồng:**

- Tiền lãi trên nợ lãi chưa trả từ ngày 02/3/2023 đến ngày 31/7/2024: 373.961 đồng.

**12. Đối với lãi khoản vay 78.000.000 đồng:**

- Tiền lãi trên nợ lãi chưa trả từ ngày 02/3/2023 đến ngày 31/7/2024: 560.942 đồng.

**13. Đối với lãi khoản vay 26.000.000 đồng:**

- Tiền lãi trên nợ lãi chưa trả từ ngày 03/3/2023 đến ngày 31/7/2024: 186.259 đồng.

**14. Đối với lãi khoản vay 39.000.000 đồng:**

- Tiền lãi trên nợ lãi chưa trả từ ngày 3/3/2023 đến ngày 31/7/2024: 279.388 đồng.

**15. Đối với lãi khoản vay 128.700.000 đồng:**

- Tiền lãi trên nợ lãi chưa trả từ ngày 01/4/2023 đến ngày 31/7/2024: 870.164 đồng.

**16. Đối với lãi khoản vay 91.000.000 đồng:**

- Tiền lãi trên nợ lãi chưa trả từ ngày 08/02/2023 đến ngày 31/7/2024: 680.964 đồng.

**17. Đối với lãi khoản vay 128.700.000 đồng:**

- Tiền lãi trên nợ lãi chưa trả từ ngày 05/02/2023 đến ngày 31/7/2024: 870.164 đồng.

**18. Đối với lãi khoản vay 390.000.000 đồng:**

- Tiền lãi trên nợ lãi chưa trả từ ngày 06/4/2023 đến ngày 31/7/2024: 2.609.789 đồng.

**19. Đối với lãi khoản vay 195.823.046 đồng:**

- Tiền lãi trên nợ lãi chưa trả từ ngày 31/3/2023 đến ngày 31/7/2024: 1.326.714 đồng.

Như vậy, tổng số tiền lãi trên nợ lãi chưa trả của 19 khoản vay là: **15.891.467 đồng.**

**\* Tiền lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả = Nợ gốc quá hạn chưa trả x Lãi suất 1.666%/ tháng x thời gian chậm trả nợ gốc đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 31/7/2024 x 150%**

Do bị đơn đã trả cho nguyên đơn được số tiền gốc 650.000.000 đồng vào ngày 28/4/2023 nên tiền lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả của số tiền gốc 1.520.523.046 đồng được tính từ ngày ( 29/4/2023 đến ngày 31/7/2024) là 459 ngày: là **581.367.425 đồng.**

**Tổng tiền lãi trên nợ gốc trong hạn, tiền lãi trên nợ lãi, tiền lãi trên nợ gốc quá hạn là 705.741.633 đồng.**

Bị đơn phải có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số tiền lãi **705.741.633 đồng.**

Từ phân tích, nhận định trên, có căn cứ chấp nhận nội dung đơn kháng cáo của bị đơn ông Đỗ Anh Q và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện M' Đ, tỉnh Đắk Lắk sửa bản án sơ thẩm theo hướng trên.

[3]. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Do sửa án sơ thẩm nên cần tính lại án phí dân sự sơ thẩm buộc ông Đỗ Anh Q phải chịu là **76.525.293 đồng.**

Ông Bùi Văn Tiến không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận nên ông Đỗ Anh Q không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Đỗ Anh Q và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện M'Đ. Sửa bản án Dân sự sơ thẩm số 20/2024/DS-ST ngày 31 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện M'Đ, tỉnh Đắk Lắk.

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điểm a khoản 1 Điều 35, Điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92, khoản 1 Điều 147, Điều 266 và Điều 273 của BLTTDS;

Căn cứ khoản 5 Điều 466 và khoản 1 Điều 468 BLDS;

Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

### **Tuyên xử:**

[1]. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Bùi Văn T.

Buộc bị đơn ông Đỗ Anh Q phải trả cho ông Bùi Văn T tổng số tiền tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 31/7/2024) là **2.226.264.679** đồng (Hai tỷ hai trăm hai mươi sáu triệu, hai trăm sáu mươi bốn nghìn sáu trăm bảy mươi chín đồng), trong đó: Tiền nợ gốc là **1.520.523.046** đồng, tiền lãi là **705.741.633** đồng).

*Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ Luật dân sự.*

[2]. **Về án phí:** Nguyên đơn ông Bùi Văn T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho nguyên đơn ông Bùi Văn T 35.102.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2022/0000694 ngày 18/01/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện M'Đ.

Bị đơn ông Đỗ Anh Q phải chịu 76.525.293 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Đỗ Anh Q không phải chịu án phí Dân sự phúc thẩm. Hoàn trả cho ông Đỗ Anh Q số tiền 300.000 đồng mà ông Đỗ Anh Q đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện M'Đ theo biên lai số: AA/2023/0008779, ngày 04 tháng 9 năm 2024.

[3]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4]. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

### **Nơi nhận:**

- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND huyện M'Đ;
- Chi cục THA huyện M'Đ
- Đường sự;
- Cổng thông tin điện tử TA;
- Lưu hồ sơ;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Nhung**

